

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN
NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng

Công trình được hoàn thành
tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Kinh tế phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng



MỞ ĐẦU

1- Tính cấp thiết của đề tài

Tỉnh Bình Định đến nay vẫn là tỉnh thuần nông, mặc dù công nghiệp trong những năm qua có bước phát triển đáng kể, đã hình thành nhiều khu kinh tế: khu kinh tế Nhơn Hội, khu công nghiệp Phú Tài, khu công nghiệp Nhơn Hòa và nhiều cụm công nghiệp cấp huyện khác ở từng địa phương nhưng đa số lao động dân cư vẫn gắn liền với lao động nông nghiệp, nông thôn.

Đối với Thị xã An Nhơn Tỉnh Bình Định là một thị xã mới thành lập trên cơ sở Huyện An Nhơn, trong địa bàn Thị xã An Nhơn đang triển khai một số đề án phát triển kinh tế nông nghiệp của thị xã, nên việc nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp của Thị xã An Nhơn là một yêu cầu cấp thiết. Bên cạnh đó, bản thân là một học viên cao học ngành kinh tế phát triển rất muốn vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của bản thân và góp phần vào sự phát triển kinh tế ngành nông nghiệp trên địa bàn Thị xã An Nhơn. Nhận nhận được sự cần thiết trên, tác giả chọn đề tài “Phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn Thị xã An Nhơn Tỉnh Bình Định” nghiên cứu Luận văn thạc sĩ.

2-Mục tiêu của đề tài

* Mục tiêu chung: Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế nông nghiệp, đánh giá thực trạng tình hình phát triển kinh tế nông nghiệp Thị xã An Nhơn, từ đó đề ra những giải pháp khoa học nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp ở Thị xã An Nhơn, góp phần phát triển KT-XH nâng cao đời sống người dân.

* Mục tiêu cụ thể: Từ những vấn đề lý luận cơ bản đã được nắm bắt có liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp; đánh giá



đúng thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp thị xã An Nhơn trong những năm qua; xác định được những thế mạnh, tồn tại yếu kém, nguyên nhân chủ yếu của phát triển kinh tế nông nghiệp thị xã An Nhơn; đề xuất, kiến nghị các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp thị xã trong thời gian tới.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu quá trình phát triển kinh tế ngành nông nghiệp, bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; quá trình phát triển ngành trồng trọt và chăn nuôi.

* Phạm vi nghiên cứu: - Về không gian nghiên cứu: Thị xã An Nhơn và một số chỉ tiêu cần thiết của một số địa phương trong tỉnh Bình Định để làm cơ sở so sánh, đánh giá.

- Về thời gian nghiên cứu: Giai đoạn 2005-2010 và 2011; định hướng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

4- Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp như: thống kê, phân tích số liệu, chi tiết hóa, so sánh, đánh giá, tổng hợp, khái quát, chuyên gia,... theo nhiều cách riêng lẻ, kết hợp; phương pháp thực tế, quan sát nắm tình hình, thu thập tài liệu, số liệu, thông tin.

Cách tiếp cận: Tiếp cận vĩ mô; Tiếp cận thực chứng; Tiếp cận hệ thống; Tiếp cận lịch sử.

5- Bố cục đề tài

- Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp.
- Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp Thị xã An Nhơn thời gian qua.
- Chương 3: Phương hướng, giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp Thị xã An Nhơn thời gian tới.



6- Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu làm luận văn, tác giả đã tham khảo nhiều tài liệu từ các giáo trình, sách, bài giảng, bài, báo viết, tạp chí và các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp, trong đó có một số tài liệu quan trọng sau đây:

* Tập “Giáo trình kinh tế nông nghiệp” của tác giả PGS.TS Vũ Đình Thắng, Hà Nội, năm 2006.

* Bài “Đột phá chính sách nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong giai đoạn hiện nay” của TS. Hoàng Xuân Nghiã, Viện nghiên cứu và phát triển KT-XH, Hà Nội, năm 2011.

* Bài “Sáu đột phá phát triển nông nghiệp” của TS. Nguyễn Huy Phong, Viện nghiên cứu phát triển KT-XH, tháng 01/2011.

* Bài “Sử dụng nguồn nhân lực nông thôn Việt Nam: Thực trạng và giải pháp” của PGS.TS Bùi Quang Bình, Trường Đại học kinh tế Đại học Đà Nẵng, (2011).

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN

KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1. KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm kinh tế nông nghiệp

Nông nghiệp theo nghĩa hẹp chỉ có ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi và ngành dịch vụ, theo nghĩa rộng bao gồm cả ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất ngành nông nghiệp

Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội. Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm riêng mà các ngành sản xuất khác không thể có, đó là:



- a. Sản xuất nông nghiệp có tính vùng*
- b. Ruộng đất là tư liệu sản xuất nông nghiệp chủ yếu*
- c. Đối tượng sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi*
- d. Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.*

1.1.3. Vai trò, vị trí của kinh tế nông nghiệp

- a. Cung cấp lương thực thực phẩm cho nhu cầu xã hội*
- b. Cung cấp yếu tố đầu vào ngành công nghiệp và khu vực đô thị*
- c. Làm thị trường tiêu thụ của công nghiệp và dịch vụ*
- d. Nông nghiệp tham gia vào xuất khẩu*
- e. Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường*

1.2. NỘI DUNG CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm phát triển kinh tế nông nghiệp

a. Khái niệm phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế là quá trình lớn lên hay tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế bao gồm tăng về quy mô sản lượng, sự biến đổi về cơ cấu KT-XH, phải phản ánh được nội dung cơ bản: Sự tăng lên về qui mô sản xuất làm tăng thêm giá trị sản lượng của cải, vật chất, dịch vụ và sự biến đổi tích cực về cơ cấu kinh tế, tạo ra một cơ cấu hợp lý có khả năng khai thác nguồn lực trong và ngoài nước.

b. Khái niệm phát triển kinh tế nông nghiệp

Phát triển kinh tế nông nghiệp thể hiện quá trình thay đổi của nền nông nghiệp ở giai đoạn này so với giai đoạn trước đó và thường đạt ở mức độ cao hơn cả về lượng và về chất.

c. Mục tiêu phát triển kinh tế nông nghiệp

Phát triển kinh tế nông nghiệp phải bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài, tăng nhanh sản phẩm nông sản hàng hóa và hàng hóa xuất khẩu, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần



cho dân cư nông nghiệp và nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nhẹ thiên tai để phát triển.

1.2.2. Nội dung phát triển kinh tế nông nghiệp

a. Phát triển kinh tế nông nghiệp về lượng

- * Tăng quy mô, sản lượng.
- * Tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.
- * Tăng trưởng các ngành trong nội bộ nông nghiệp.

b. Phát triển kinh tế nông nghiệp về chất

- * Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý.
- * Hoàn thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp.
- * Tăng năng suất nông nghiệp.
- * Giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập lao động nông nghiệp.
- * Bảo vệ, tái tạo môi trường sống và sản xuất nông nghiệp.

1.2.3. Tiêu chí phát triển kinh tế nông nghiệp

Quan điểm về phương hướng phát triển kinh tế nông nghiệp phổ biến là xác định rõ cả về những vấn đề định tính và định lượng của hoạt động kinh tế nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

a. Tiêu chí định lượng

- * Giá trị sản xuất nông nghiệp.
- * Mức và tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

b. Tiêu chí định tính

- * Thay đổi tỷ lệ đóng góp của các ngành trong nội bộ nông nghiệp.
- * Hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.
- * Năng suất nông nghiệp.
- * Việc làm và thu nhập lao động.

1.3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP



1.3.1. Yếu tố về điều kiện tự nhiên

Sản xuất nông nghiệp phải được tiến hành trên đất và phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên như thời tiết, khí hậu, thủy văn.

1.3.2. Yếu tố về thị trường

Thị trường nông nghiệp là một tập hợp những thỏa thuận, dựa vào đó mà các chủ thể kinh tế trong và ngoài ngành nông nghiệp có thể trao đổi hàng hóa nông sản hay các dịch vụ cho nhau.

1.3.3. Yếu tố về kết cấu hạ tầng

Đối với nông nghiệp, kết cấu hạ tầng cơ bản nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng, giao thông nông thôn, đường lâm sinh, hệ thống điện sẽ góp phần quan trọng tạo ra sản phẩm, năng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, mở rộng khả năng tiêu thụ nông sản và tăng thu nhập cho nông dân.

1.3.4. Yếu tố về nguồn lực

Sự kết hợp hợp lý các nguồn lực có ảnh hưởng rất lớn tới quy mô, sản lượng, đầu ra sản phẩm nông nghiệp.

1.3.5. Yếu tố về năng lực của chủ thể và hệ thống dịch vụ hỗ trợ

Năng lực của hộ nông dân đóng vai trò to lớn với phát triển kinh tế nông nghiệp nhất là các nền kinh tế phụ thuộc vào nông nghiệp.

1.3.6. Yếu tố về các cơ chế quản lý và chính sách nhà nước

Quản lý nhà nước về kinh tế nông nghiệp có vai trò to lớn và không thể thiếu trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và thực hiện các chức năng: định hướng chiến lược phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN THỜI GIAN QUA

2.1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA THỊ XÃ AN NHƠN

2.1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế các ngành của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010)

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu kinh tế của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010)

Chỉ tiêu	2005	2007	2008	2009	2010
1-Tổng giá trị sản xuất GO (triệu đồng)	625.340	771.101	844.745	908.495	1.019.253
-Nông nghiệp	331.708	383.241	387.946	394.165	421.093
-Lâm nghiệp	5.179	5.815	5.074	5.155	4.698
-Thủy sản	2.572	3.296	3.085	3.078	2.655
-Công nghiệp	196.031	235.260	272.866	291.653	332.382
-Th/mại-dịch vụ	89.850	143.489	175.775	214.444	258.425
2- GO bình quân đầu người(triệuđồng/người)	3,48	4,30	4,72	5,08	5,59

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

2.1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010)

Bảng 2.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thị xã An Nhơn từ năm (2005-2010)

Nguồn: Theo niên giám thống kê thị xã An Nhơn (2005-2010)



2.1.3. Cơ cấu GTSX theo ngành của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010)

Bảng 2.3. Cơ cấu GTSX theo ngành của Thị xã An Nhơn từ năm (2005-2010)

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

+ Về cơ cấu kinh tế, giai đoạn 2005- 2010 tốc độ phát triển kinh tế các ngành của Thị xã An Nhơn không đều, riêng năm 2010 ngành nông nghiệp đạt thấp so với các ngành khác như công nghiệp, thương mại-dịch vụ. Qua đó cho thấy trình độ phát triển kinh tế của thị xã còn ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức chung toàn tỉnh.

2.2. TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

2.2.1. Tác động của yếu tố tự nhiên

a. Vị trí địa lý: Thị xã An Nhơn nằm về phía Nam của Tỉnh Bình Định, có tọa độ địa lý 13⁰42' đến 13⁰49' vĩ độ Bắc và 109⁰00' đến 109⁰11' kinh độ Đông; phía Bắc giáp Huyện Phù Cát; phía Nam giáp Huyện Vân Canh và Tuy Phước; phía Tây giáp Huyện Tây Sơn, Vân Canh; phía Đông giáp Huyện Tuy Phước.

b. Đặc điểm địa hình- thủy văn- khí hậu: Là thị xã đồng bằng có xu hướng nghiêng từ Tây sang Đông với độ dốc không đáng kể, độ



cao trung bình là 20 m so với mực nước biển. Mạng lưới thủy văn tự nhiên phân bố khá đều với mật độ cao, đáng kể là hệ thống hạ lưu sông Côn chia thành hai nhánh Nam phái và Bắc phái, tiếp với sông An Tượng chia thành năm nhánh phân bố đều trên địa bàn thị xã cùng với hồ Hồ Núi Một và mạng lưới kênh mương nhân tạo. An Nhơn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, được chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8, chịu ảnh hưởng của gió Tây và gió Tây Nam. Từ tháng 5 đến tháng 8 có gió Nam hay còn gọi là gió Lào khô, nóng. Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông - Bắc. Hằng năm, thường có mưa nhiều vào tháng 10, tháng 11, chiếm 60% lượng mưa cả năm. Tổng số ngày mưa trong năm là 130 ngày, độ ẩm tương đối trung bình 81%. Số giờ nắng trung bình trong năm là 2500 giờ. Số giờ nắng trung bình ngày từ 6-8 giờ. Nhiệt độ trung bình trong năm là 25°C.

c. Đất đai:

Trong giai đoạn 2005-2010 đất nông nghiệp 17182.15ha, trong đó:

- * Đất cho sản xuất nông nghiệp 11194.46 ha (chiếm 64,889%);
- * Đất lâm nghiệp 5700.45 ha (chiếm 33,176%);
- * Đất nông nghiệp khác 270.62 ha (chiếm 1,575%);
- * Đất nuôi thủy sản là 16.62 ha (chiếm 0,0967%).

2.2.2. Tác động của yếu tố thị trường

Thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y... rất khó kiểm tra, kiểm soát, giá liên tục tăng, hàng giả, hàng kém chất lượng, phân bón chất lượng thấp...nhiều lúc gây khó khăn, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, vật nuôi

2.2.3. Tác động của yếu tố kết cấu hạ tầng

a. Thủy lợi: Toàn thị xã có 160 km kênh mương nội đồng cấp II và III và đến năm 2010 đã kiên cố hóa kênh mương được 36,5 km đạt 22,8%; số kênh mương còn lại là kênh đất, có 01 hồ chứa nước lớn nhất là Hồ Núi Một và 02 con sông lớn nhất là sông Kôn và sông An Tượng chảy qua.

b. Giao thông: Có 1 tuyến tỉnh lộ là 636 đi qua địa bàn thị xã, Quốc lộ 19 được nối với các Huyện Tây Sơn, Tuy Phước và Thành phố Quy Nhơn, riêng Quốc lộ 1A đường nối với Thành phố Quy Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát.

c. Hệ thống cấp điện: Thị xã đã có điện lưới quốc gia đạt tỷ lệ 100%. Sự phát triển điện lưới quốc gia trong địa bàn trong những năm qua đã mang lại điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - sản xuất và nâng cao đời sống vật chất- tinh thần cho khu vực nông thôn, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp.

d. Thông tin liên lạc: Hệ thống trạm bưu điện đạt 100% số phường, xã, tất cả các xã đều có trạm bưu điện –văn hóa phục vụ sinh hoạt thông tin, báo chí cho cộng đồng dân cư địa phương, có báo hàng ngày để phục vụ cho cán bộ và nhân dân trong phường, xã.

2.2.4. Tác động của yếu tố nguồn lực

a. Vốn đầu tư: Các nguồn vốn vay phát triển kinh tế nông nghiệp chủ yếu từ Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn của thị xã. Các nguồn vốn này để phục vụ thực hiện các mô hình sản xuất như: chương trình chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề nông thôn, công tác chống hạn, tiêm phòng, lai tạo giống mới cây trồng vật nuôi... nên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông nghiệp.



b. Lao động: Lao động làm việc trong nông nghiệp có xu hướng giảm dần, phần lớn chưa qua đào tạo nghề, sản xuất bằng kinh nghiệm, ít áp dụng lịch thời vụ và KH-KT vào sản xuất.

c. Khoa học - công nghệ : Cơ giới hóa trong nông nghiệp chưa áp dụng rộng rãi, chủ yếu lao động bằng chân tay và bán cơ giới. Phương thức canh tác cây trồng vật nuôi đổi mới chưa nhiều, đa số còn áp dụng kiểu cũ, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thiếu khoa học, kém hiệu quả.

2.2.5. Tác động của yếu tố năng lực chủ thể và hệ thống dịch vụ hỗ trợ

Nâng cao trình độ và đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp thông qua các chương trình đào tạo nghề, các dự án chuyển giao công nghệ... sẽ hỗ trợ kiến thức về sản xuất nông nghiệp hướng đến nông sản hàng hóa cho nông dân, phát triển kinh tế .

2.2.6. Tác động của yếu tố cơ chế quản lý và chính sách nhà nước

Các chính sách như: cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và chính sách phát triển cây công nghiệp được áp dụng kịp thời thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp.



2.3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP CỦA THỊ XÃ AN NHƠN

2.3.1. Thực trạng phát triển về mặt lượng

a. Quy mô, sản lượng nông nghiệp

Bảng 2.7. Sản lượng cây trồng chính từ năm (2005-2010) Thị xã An Nhơn

Loại cây trồng	ĐVT	2005	2007	2008	2009	2010
1. Cây lương thực; 1.1- Cây lúa, Sản lượng	Tấn	83903,0	88332,3	84959,0	89762,1	95018,8
1.2- Ngô, Sản lượng	Tấn	3283,0	4555,9	4910,7	3879,0	4406,0
2. Cây chất bột có củ: Cây sắn, Sản lượng	Tấn	2826,0	4050,6	4120,0	3582,9	3791,5
3. Cây thực phẩm; 3.1- Rau đậu các loại, Sản lượng	Tấn	18998,0	18564,9	16883,9	18395,8	18603,6
3.2- Đậu các loại, Sản lượng	Tấn	76,0	90,9	124,4	70,2	126,5
4. Cây CN hàng năm; 4.1- Mía, Sản lượng	Tấn	12943,0	28881,6	19216,0	18550,0	21131,2
4.2 - Lạc, Sản lượng	Tấn	11433,9	1234,8	16883,9	18395,8	18603,6

Nguồn: Theo niên giám thống kê thị xã An Nhơn (2005-2010)

+ Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm tăng, năm 2005 là 2.596,9 ha, đến năm 2010 đạt 2.688,6 ha, trong đó nhóm cây lương thực chiếm tỷ trọng lớn 61 %, nhóm cây tinh bột lấy củ chiếm 39,5 % diện tích gieo trồng.



Bảng 2.8. Sản lượng đàn gia súc, gia cầm của Thị xã An Nhơn giai đoạn (2005-2010)

TT	Đàn gia súc, Gia cầm	ĐVT	Năm thực hiện				
			2005	2007	2008	2009	2010
1	Đàn trâu	con	1400	1275	1054	1065	1188
2	Đàn bò	con	29403	38374	29380	30050	29608
3	Đàn lợn	con	87473	86909	70356	73632	71222
	- Lợn nái	con	19218	14323	18487	20026	16251
4	Đàn Dê	con	450	600	995	792	731
5	Đàn gia cầm	1000con	260	363	363	371,5	399,0
	Tổng cộng		397.944	504.481	483.272	497.065	518.000

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

+ Quy mô đàn gia súc gia cầm: Chăn nuôi những năm qua chịu ảnh hưởng của dịch bệnh nên phát triển chậm, trong đó đàn lợn giảm mạnh năm 2005 có 397.944 con đến năm 2007 tăng lên 504.481 con, đến năm 2008-2009 giảm xuống còn khoảng 483.272-497.065 con và đến năm 2010 mới tăng lên 518.000 con; tổng đàn trâu có xu hướng tăng chậm qua các năm; đàn bò và đàn lợn biến động không ổn định, đàn gia cầm phát triển cũng chậm và không ổn định.



Bảng 2.9. Sản lượng ngành lâm nghiệp của Thị xã An Nhơn (2005-2010)

	2005	2007	2008	2009	2010
1-Tổng số gỗ khai thác rừng trồng (m ³)	4.059	4.200	4.100	4.197	4000
2-Củi (stre)	4.853	4.950	4.980	4.998	4.900
3.Tre luồng (1000 cây)	330	370	375	380	370

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

Bảng 2.10. Sản lượng ngành thủy sản của Thị xã An Nhơn từ (2009-2011)

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

+ Thủy sản phát triển chủ yếu khai thác thủy sản nước ngọt.



b. Giá trị sản xuất và tăng trưởng trong nội bộ ngành nông nghiệp

Bảng 2.11. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp Thị xã An Nhơn (2005-2010) (theo giá hiện hành)

Năm	Tổng GTSX NN (Tr.đồng)	Nông nghiệp		Lâm Nghiệp	Thủy sản
		Trồng trọt	Chăn nuôi		
2005	601.319	320.792	244.632	8.292	4.319
2007	832.59	408.333	371.988	8.944	7.711
2008	1.212.274	603.712	556.543	7.740	8.091
2009	1.171.069	524.705	580.762	9.738	9.076
2010	1.429.231	679.060	682.022	10.043	8.278

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

Bảng 2.12. Cơ cấu GTSX ngành nông nghiệp của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010) (theo giá hiện hành)

	2005	2007	2008	2009	2010
Ngành nông nghiệp-TT.CN.DV (%)	97,89	97,99	98,68	98,39	98,70
Ngành lâm nghiệp (%)	1,37	1,08	0,63	0,82	0,70
Ngành thủy sản (%)	0,72	0,92	0,67	0,78	0,58

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)



2.3.2. Thực trạng phát triển về mặt chất.

a. Tổ chức sản xuất nông nghiệp (đất đai, lao động, vốn)

Bảng 2.13. Hiện trạng sử dụng đất của Thị xã An Nhơn từ (2005-2010)

	2005	2007	2008	2009	2010
1-Đất nông nghiệp (ha)	11.786	11.260	11.241	11.229	11.188
2-Đất lâm nghiệp (ha)	3.315	3.833	3.833	5.700	5.700
3-Đất N.T. thủy sản (ha)	17	17	17	17	17
4-Đất chuyên dùng (ha)	3.930	4.493	4.511	4.511	4.581
5-Đất khu dân cư (ha)	832	863	866	869	871
6-Đất chưa sử dụng (ha)	4.338	3.799	3.796	1.907	1.907
Tổng số	24.217	24.264	24.264	24.264	24.264

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)



Bảng 2.14. Diện tích đất năm 2010 phân theo loại đất và chia theo phường, xã của Thị xã An Nhơn

	Tổng số (ha)	Trong đó		
		Đất nông nghiệp (ha)	Đất lâm nghiệp (ha)	Đất chưa sử dụng (ha)
Tổng số	24.264,4	11.188,1	5700,5	1.906,8
1-Bình Định	612,3	325,4	-	7,9
2-Đập Đá	507,1	270,1	-	1,8
3-Nhon Mỹ	1.718,4	1.001,0	35,0	249,2
4-Nhon Thành	1.269,3	675,2	-	252,0
5-Nhon Hạnh	1.088,2	870,2	-	5,6
6-Nhon Hậu	1.226,6	771,9	-	94,9
7-Nhon Phong	825,3	629,0	-	18,2
8-Nhon An	876,2	678,5	-	6,2
9-Nhon Phúc	1.069,8	661,5	8,0	102,0
10-Nhon Hưng	833,4	567,5	-	13,6
11-Nhon Khánh	858,8	591,4	-	17,6
12-Nhon Lộc	1.228,1	823,6	34,7	74,0
13-Nhon Hòa	2.792,6	1.095,8	95,6	836,0
14-Nhon Tân	6.150,6	1.232,8	3.870,6	221,4
15-Nhon Thọ	3.207,7	994,4	1.656,6	6,4

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)



Diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp gồm: đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp (2010) 16.888,6 ha chiếm 69,6% diện tích đất hiện đang có toàn thị xã và phân bố không đều giữa các phường, xã.

Bảng 2.15. Dân số - lao động trong nông nghiệp của Thị xã An Nhơn giai đoạn từ (2009-2011)

	2009	2010	2011
1-Dân số trung bình (người)	178.724	179.091	179.718
2-Dân số trong độ tuổi lao động (người)	99.192	99.396	99.743
3-Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế (người)	95.192	96.289	99.696
4-Lao động đang làm việc trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (người)	61.584	61.528	61.494
+Nông nghiệp	60.853	60.754	60.743
+Lâm nghiệp	346	382	352
+Thủy sản	385	392	399
5-Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn Bộ Lao động TB-XH	5,2%	8,6%	6,7%

Nguồn: Theo báo cáo hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thị xã An Nhơn (2011)

+ Dân số trong độ tuổi lao động (2011) chiếm 55,49 % dân số trong thị xã.



+ Lao động đang làm việc trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (2011) chiếm 61,68 % lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Lao động chủ yếu là nông nghiệp, mức thu nhập thấp nên tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao.

Bảng 2.16. Vốn ngân sách đầu tư cho phát triển kinh tế nông nghiệp
(nông – lâm – thủy sản) Thị xã An Nhơn giai đoạn (2005-2010)

Nguồn: Theo Phòng Tài Chính- Kế Hoạch Thị xã An Nhơn (2005-2010)



Theo bản tổng hợp, ngân sách Thị xã An Nhơn đầu tư cho nông nghiệp rất cao, trong giai đoạn 2005-2010 mức đầu tư bình quân hằng năm cho nông nghiệp chiếm tỷ lệ 26,35% so với tổng chi ngân sách thị xã, năm có mức đầu tư cao nhất là 31,357% và năm thấp nhất là 20,73%.

b. Năng suất nông nghiệp

Bảng 2.17. Năng suất một số loại cây trồng chính của Thị xã An Nhơn giai đoạn từ (2005-2011)

	Đơn vị tính	2005	2007	2008	2009	2010	2011
-Lúa	(tạ/ha)	49,4	56,0	58,1	56,7	60,1	61,5
-Ngô	(tạ/ha)	44,9	48,6	50,5	45,8	50,9	53,5
-Sắn	(tạ/ha)	227,2	270,0	270,0	270,0	269,8	271,1
-Mía	(tạ/ha)	521,5	703,2	530,5	527,3	600,7	620,9
-Lạc	(tạ/ha)	19,3	19,3	20,3	18,0	21,7	19,0
-Đậu tương	(tạ/ha)	18,7	20,0	19,8	15,2	18,8	20,7

Nguồn: Theo niên giám thống kê Thị xã An Nhơn (2005-2010)

+ Năng suất các loại cây trồng năm sau đạt cao so với năm trước nhưng tăng không nhiều tỷ lệ tăng từ 2%-3% vẫn ở mức thấp, thể hiện trình độ canh tác, các điều kiện khác chưa đảm bảo.



2.3.3. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp thị xã An Nhơn

a. Những thành tích đạt được: Giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng; cơ cấu cây trồng vật nuôi chuyển dịch đúng hướng.

b. Những tồn tại, hạn chế; Nguyên nhân tồn tại: Công tác quy hoạch, bố trí phân vùng sản xuất chưa được chú trọng đúng mức, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa phát triển; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển dịch nội bộ ngành nông nghiệp chậm; Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích thấp; Kinh tế vườn, trang trại, chăn nuôi phát triển chưa đồng bộ; Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chủ yếu là hộ gia đình, trang trại sản xuất hàng hóa lớn chưa nhiều; Chất lượng sản phẩm nông nghiệp còn thấp, sức cạnh tranh trên thị trường chưa cao;

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

Phát triển kinh tế nông nghiệp hướng đến sản xuất hàng hóa, khai thác tốt và hiệu quả các thế mạnh của địa phương về đất đai và nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH-KT, đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị dụng cụ, đưa giống chất lượng cao vào sản xuất, thực hiện thâm canh, tăng năng suất trên một đơn vị diện tích, phát triển đa dạng các loại cây nông, lâm, công nghiệp và nguyên liệu.

3.1.1. Phát triển ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi)

Đẩy mạnh sản xuất, tập trung hình thành các vùng chuyên canh, các trang trại sản xuất có quy mô vừa và lớn; từng bước



chuyển dịch theo hướng tăng dần giá trị ngành chăn nuôi. Ưu tiên phát triển các loại cây trồng có năng suất cao, cây đặc sản gắn với thị trường, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, năng suất cao.

3.1.2. Phát triển ngành lâm nghiệp

Thực hiện giao đất, giao rừng gắn với quản lý, sản xuất và khai thác. Xác định rõ diện tích các loại rừng trên địa bàn từng xã, phường, diện tích đất có khả năng trồng rừng, tình hình quản lý rừng, diện tích rừng giao cho nông dân, rừng phong hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, phát triển rừng ngắn hạn (hàng năm), trung hạn và dài hạn theo từng sở hữu khác nhau, phù hợp cho phát triển cây rừng, cho quản lý sản xuất và phải phù hợp với địa hình của khu sản xuất; phát triển đầu ra cho sản phẩm từ rừng sản xuất. Phát triển cây nguyên liệu, cây công nghiệp mới.

3.1.3. Phát triển ngành thủy sản

Tận dụng mặt nước tự nhiên, khuyến khích những nơi có nguồn nước tự nhiên cải tạo không gian hợp lý tiến hành nuôi thả các loại có giá trị kinh tế cao.

3.2 CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THỊ XÃ AN NHƠN

3.2.1. Giải pháp về điều kiện tự nhiên

Dựa vào đặc điểm địa hình, đất đai, đặc tính thổ nhưỡng; khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên đất, bảo vệ nguồn nước, tăng cường khả năng ứng phó thiên tai, bệnh dịch. So sánh, đánh giá và phân vùng thích nghi đất đai tự nhiên theo chỉ tiêu kinh tế gồm: chỉ tiêu lợi nhuận và hiệu quả đồng vốn.

3.2.2. Giải pháp về thị trường

Nắm bắt thị trường đầu ra, dự báo giá cả, nhằm định hướng sản xuất sản phẩm nông nghiệp hợp lý. Liên doanh liên kết giữa



các doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm, thành lập các hội nhà nông sản xuất để chủ động tiêu thụ và ngăn chặn tình trạng tư thương ép giá, tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

3.2.3. Giải pháp về kết cấu hạ tầng

Đầu tư về thủy lợi chủ động nước tưới; Đầu tư về giao thông nội đồng, đường lâm sinh chính, đảm bảo giao thông thông suốt, giảm chi phí vận chuyển; Đầu tư lưới điện đảm bảo đủ để phục vụ sản xuất nông nghiệp; Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và bảo vệ môi trường.

3.2.4. Giải pháp về nguồn lực

Cần có cơ chế thu hút vốn đầu tư để phát triển kinh tế nông nghiệp. Các nguồn vốn ngân sách cấp trên, ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia...tham gia vào đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp hiệu quả.

3.2.5. Giải pháp về năng lực chủ thể và hệ thống dịch vụ hỗ trợ

Hộ nông dân là lực lượng sản xuất chính của ngành nông nghiệp, tăng cường năng lực cho hộ nông dân là cơ sở để nông nghiệp phát triển như: kinh nghiệm sản xuất, trình độ khoa học kỹ thuật công nghệ, vốn đầu tư, định hướng thị trường,... Vì vậy, cần tăng cường các chương trình tập huấn nâng cao kiến thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Phát triển cung, cầu đối với các dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

3.2.6. Giải pháp về cơ chế quản lý và chính sách nhà nước

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Có các nội dung sau: quy hoạch, cơ chế chính sách và luật pháp.



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phải khẳng định rằng, những năm qua, phát triển kinh tế nông nghiệp của Thị xã An Nhơn có những chuyển biến tích cực, cụ thể:

- + Sản xuất nông nghiệp: giá trị của ngành tăng đều qua các năm.
- + Sự phát triển kinh tế nông nghiệp đã góp phần phân công lại lực lượng lao động xã hội.

Những tồn tại được trình bày trong luận văn và có kiến nghị sau:

- + Cần xây dựng các chính sách về đất đai, có qui hoạch và cơ chế bảo vệ đất trồng lúa, hoa màu, đất canh tác.
- + Xây dựng chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.
- + Xây dựng cơ chế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị xã.
- + Đề xuất chính sách vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp.
- + Xây dựng cơ chế hỗ trợ, quản bá, tiêu thụ, máy móc thiết bị, khoa học-công nghệ và các trung tâm khuyến nông, ngư, lâm.
- + Thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ giống cho nông dân.
- + Xây dựng cơ chế đào tạo nâng cao trình độ cho nông dân.
- + Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đề tài đã nghiên cứu và tổng kết được; tác giả cho rằng, đề tài đã khái quát và hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp; phân tích thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong thời gian qua phát triển kinh tế nông nghiệp; đồng thời tác giả đề xuất những giải pháp có tính chất khả thi, phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn tới, góp phần quan trọng vào phát triển KT-XH, nâng cao thu nhập và đời sống nhân dân được cải thiện.